

PHỤ LỤC I
TỔNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025 SAU SẮP XẾP - ĐIỀU CHỈNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 được duyệt theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 04/8/2025 của HĐND đặc khu						Điều chỉnh kỳ này						Tăng (+); Giảm (-)
		Tổng 5 năm 2021-2025	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng 5 năm 2021-2025	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
	Tổng số: I+II	1,231,272	128,747	339,054	186,519	198,104	378,848	1,175,768	128,747	339,054	186,519	198,104	323,344	-55,504
I	Huyện Cát Hải	852,424	128,747	339,054	186,519	198,104		852,424	128,747	339,054	186,519	198,104		
II	Đặc khu Cát Hải	378,848					378,848	323,344					323,344	-55,504
III	Chi tiết nguồn	1,231,272	128,747	339,054	186,519	198,104	378,848	1,175,768	128,747	339,054	186,519	198,104	323,344	-55,504
1	Ngân sách thành phố phân cấp	689,082	111,803	132,583	132,402	145,930	166,364	689,082	111,803	132,583	132,402	145,930	166,364	
2	Nguồn thu từ sử dụng đất (điều tiết cấp huyện, xã)	71,324	11,944	11,880	15,000	15,000	17,500	71,324	11,944	11,880	15,000	15,000	17,500	0
3	Nguồn thu hợp pháp khác	283,196	5,000	30,310	15,728	37,174	194,984	227,692	5,000	30,310	15,728	37,174	139,480	-55,504
-	Thành phố cấp bổ sung cho dự án, nhiệm vụ TP giao						96,054						96,054	
-	Thuởng vượt thu, khen thưởng của thành phố		5,000	30,310					5,000	30,310				
-	Vượt thu dự toán năm trước				15,728	37,174	43,426				15,728	37,174	43,426	0
-	Thu khác (Bồi thường GPMB các công trình hạ tầng khu đảo Cát Hải)						55,504							
4	Nguồn xây dựng NTM kiểu mẫu	187,670		164,280.721	23,389.476			187,670		164,280.721	23,389.476			

PHỤ LỤC II
TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025 SAU SẮP XẾP

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Được duyệt theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 04/8/2025 của HĐND đặc khu						Điều chỉnh kỳ này						Chênh lệch tổng nhu cầu vốn	Chênh lệch tổng kế hoạch vốn
		Số dự án	Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025				Số dự án	Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó				
					NSTP phân cấp dành cho các dự án, nhiệm vụ huyện quyết định đầu tư	NSTP phân cấp dành cho các dự án, chương trình thành phố quyết định đầu tư	NSTP phân cấp dành cho các dự án xây dựng NTM kiểu mẫu				NSTP phân cấp dành cho các dự án, nhiệm vụ của đặc khu	NSTP phân cấp dành cho các dự án, chương trình thành phố quyết định giao	NSTP phân cấp dành cho các dự án xây dựng NTM kiểu mẫu		
	TỔNG CỘNG: A+B+C	80	1,417,440	1,231,272	574,770	468,832	187,670	86	1,475,821	1,175,768	549,079	439,019	187,670	58,381	-55,504
A	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP SANG GIAI ĐOẠN TRUNG HẠN 2021-2025	24	258,098	252,289	150,481	101,808		24	258,098	225,148	133,932	91,216		0	-27,141
I	Kế hoạch vốn đảm bảo cho các Dự án thành phố quyết định đầu tư	3	56,063	56,063	0	56,063		3	56,063	45,471	0	45,471		0	-10,592
II	Kế hoạch vốn đảm bảo cho các Dự án huyện quyết định đầu tư	21	202,035	196,226	150,481	45,745		21	202,035	179,677	133,932	45,745		0	-16,549
1	Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội	11	194,953	189,144	143,398	45,745		11	194,953	172,595	126,849	45,745		0	-16,549
2	Dự án theo chương trình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Xuân Đám	10	7,082	7,082	7,082			10	7,082	7,082	7,082			0	
B	DỰ ÁN THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021-2025	51	971,672	791,313	424,289	367,024		57	1,030,053	762,950	415,147	347,803		58,381	-28,363
I	Kế hoạch vốn đảm bảo cho các Dự án huyện quyết định đầu tư	51	971,672	791,313	424,289	367,024		57	1,030,053	762,950	415,147	347,803		58,381	-28,363
1	Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội	51	971,672	791,313	424,289	367,024		57	1,030,053	762,950	415,147	347,803		58,381	-28,363
-	Năm 2021	5	76,981	76,981	67,981	9,000		5	76,981	76,981	67,981	9,000		0	0
-	Giai đoạn 2022-2023	22	433,219	356,859	174,608	182,251		22	433,219	358,975	162,108	196,867		0	2,116
-	Giai đoạn 2024-2025	24	461,472	357,473	181,700	175,773		30	519,853	326,994	185,058	141,936		58,381	-30,479
2	Vốn chuẩn bị đầu tư														
II	Dự phòng kế hoạch vốn chưa phân bổ kỳ này			0	0	0				0	0	0			
C	DỰ ÁN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU	5	187,670	187,670			187,670	5	187,670	187,670			187,670		

**PHỤ BIỂU II.1: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CHUYỂN TIẾP
SANG GIAI ĐOẠN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025 ĐIỀU CHỈNH SAU SẮP XẾP**

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư hoặc quyết toán	Vốn đã bố trí đến hết kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2016-2020	Tổng nhu cầu vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đặc khu Cát Hải (sau sắp xếp)			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						NSTP phân cấp dành cho các dự án, nhiệm vụ đặc khu sau sắp xếp	NSTP phân cấp dành cho các dự án, chương trình thành phố giao	
	TỔNG CỘNG: A+B	623,837	365,739	258,098	225,148	133,932	91,216	
A	DỰ ÁN THÀNH PHỐ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ SỬ DỤNG TOÀN BỘ VỐN NSTP PHÂN CẤP CHO ĐẶC KHU	306,448	250,385	56,063	45,471	0	45,471	
1	Dự án đầu tư xây dựng đường nối Khu I-Vịnh Tùng Đình, thị trấn Cát Bà	127,177	109,619	17,558	17,558		17,558	QT
2	Dự án đầu tư xây dựng hồ chứa nước ngọt, hệ thống thủy lợi, cấp nước sinh hoạt tại xã Phù Long, huyện Cát Hải	122,606	87,014	35,592	25,000		25,000	
3	Dự án đầu tư Khu xử lý chất thải rắn Áng Chà Chà - Giai đoạn I, xã Trân Châu, huyện Cát Hải (Cơ cấu vốn: Huyện 58 tỉ đồng; còn lại NSTP)	56,665	53,752	2,913	2,913		2,913	QT
B	DỰ ÁN ĐẶC KHU QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ	317,389	115,354	202,035	179,677	133,932	45,745	
I	Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội	277,337	82,384	194,953	172,595	126,849	45,745	
1	San lấp mặt bằng khu dân cư xã Xuân Đám	383		383	383	383		QT
2	Xây dựng khu tái định cư tại TDP Hùng Sơn, thị trấn Cát Bà	113,360	11,002	102,358	80,000	80,000		

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư hoặc quyết toán	Vốn đã bố trí đến hết kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2016-2020	Tổng nhu cầu vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đặc khu Cát Hải (sau sắp xếp)			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						NSTP phân cấp dành cho các dự án, nhiệm vụ đặc khu sau sắp xếp	NSTP phân cấp dành cho các dự án, chương trình thành phố giao	
3	Chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp khuôn viên, sân khấu trung tâm du lịch Cát Bà	13,994	11,962	2,032	2,032	2,032		QT
4	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè đoạn qua khu Trung tâm văn hóa thể thao huyện	3,212	2,681	531	531	531		QT
5	Xây dựng Nhà hiệu bộ và các phòng chức năng trường THPT Cát Bà	14,243	9,043	5,200	5,200	5,200		QT
6	Dự án trồng hoa hai bên tuyến đường xuyên đảo Cát Bà phục vụ phát triển du lịch	52,603	12,928	39,675	39,675	10,675	29,000	QT
7	Nâng cấp mặt đường bê tông nhựa đường vòng Núi Ngọc, thị trấn Cát Bà	5,103	4,365	738	738	738		QT
8	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ Ngã 3 Núi Xê đến bến Bèo	53,814	25,043	28,771	28,771	12,025	16,745	QT
9	Xây dựng nhà làm việc Ban Quản lý các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà	10,646	3,660	6,986	6,986	6,986		QT
10	Quy hoạch sử dụng đất huyện Cát Hải đến năm 2030, Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Cát Hải	1,872	1,500	372	372	372		QT
11	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư tại xã Xuân Đám	8,107	200	7,907	7,907	7,907		QT
II	Dự án theo chương trình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu Xuân Đám	40,052	32,970	7,082	7,082	7,082	0	
1	Đường gắn với tỉnh lộ 356 đoạn bãi Cát Đồn thôn 1 đến ngã ba cổng làng	3,473	2,880	593	593	593		QT
2	Đường từ Nhà văn hóa thôn 1 đến Ao nước thôn 1	7,499	6,660	839	839	839		QT

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư hoặc quyết toán	Vốn đã bố trí đến hết kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2016-2020	Tổng nhu cầu vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đặc khu Cát Hải (sau sắp xếp)			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						NSTP phân cấp dành cho các dự án, nhiệm vụ đặc khu sau sắp xếp	NSTP phân cấp dành cho các dự án, chương trình thành phố giao	
3	Đường từ cổng Làng đến đường 356	4,912	4,100	812	812	812		QT
4	Đường trục thôn từ nhà ông Dân đến nhà văn hóa thôn 2,3	1,226	800	426	426	426		QT
5	Đường trục thôn từ nhà ông Mặc đến Nhà văn hóa thôn 4	686	600	86	86	86		QT
6	Đường trục thôn từ nhà ông Hanh đến nhà ông Vui	5,058	3,600	1,458	1,458	1,458		QT
7	Đường ngõ xóm thôn 1	6,625	5,130	1,495	1,495	1,495		QT
8	Đường ngõ xóm thôn 2	2,905	2,900	5	5	5		QT
9	Đường ngõ xóm thôn 3	2,922	2,200	722	722	722		QT
10	Đường ngõ xóm thôn 4	4,746	4,100	646	646	646		QT

**PHỤ BIỂU II.2: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TRIỂN KHAI MỚI CỦA ĐẶC KHU ĐIỀU CHỈNH SAU SẮP XẾP
TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025**

STT	Tên dự án	Tổng nhu cầu vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đặc khu Cát Hải (sau sắp xếp)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NSTP phân cấp dành cho các dự án, nhiệm vụ đặc khu sau sắp xếp	NSTP phân cấp dành cho các dự án, chương trình thành phố giao	
	TỔNG CỘNG: I+II+III	1,030,053	762,950	415,147	347,803	
I	DANH MỤC ĐẦU TƯ NĂM 2021	76,981	76,981	67,981	9,000	
1	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, khuôn viên khu trung tâm du lịch Cát Bà (đoạn từ ngã ba Cảng Cá đến chân dốc Cát Cò 1)	38,635	38,635	29,635	9,000	Công văn 3920/VP-KHĐT ngày 12/10/2022 (QT)
2	Xây dựng công chào khu trung tâm du lịch Cát Bà	22,320	22,320	22,320		QT
3	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè đoạn trước cổng Huyện ủy và UBND huyện	7,338	7,338	7,338		QT
4	Nâng cấp, mở rộng Nghĩa trang Liệt sỹ huyện Cát Hải	8,146	8,146	8,146		QT
5	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu tái định cư đảo Cát Hải (Giai đoạn 1)	542	542	542		QT
II	DANH MỤC ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2022-2023	433,219	358,975	162,108	196,867	
1	Xây dựng công trình phòng thủ huyện Cát Hải	57,710	51,304		51,304	
2	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè tuyến đường Hà Sen (từ ngã ba Xây Dựng cũ đến ngã ba thị trấn Cát Bà)	13,909	13,909	11,909	2,000	Công văn 3920/VP-KHĐT ngày 12/10/2022 (QT)
3	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè tuyến đường 1/4 (từ cổng chợ Cát Bà đến ngã ba thị trấn Cát Bà)	10,872	10,872	9,872	1,000	Công văn 3920/VP-KHĐT ngày 12/10/2022 (QT)
4	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè tuyến đường Cái Bèo (từ ngã ba Núi Xê đến ngã ba thị trấn Cát Bà)	9,763	9,763	8,763	1,000	Công văn 3920/VP-KHĐT ngày 12/10/2022 (QT)
5	Xây dựng Nhà đa năng và phòng học chức năng Trường THPT Cát Bà	14,386	14,386	12,086	2,300	QT
6	Xây dựng nhà làm việc công an xã Trân Châu	3,707	3,707		3,707	QT
7	Xây dựng nhà làm việc công an xã Việt Hải	1,059	1,059		1,059	QT

STT	Tên dự án	Tổng nhu cầu vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đặc khu Cát Hải (sau sắp xếp)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NSTP phân cấp dành cho các dự án, nhiệm vụ đặc khu sau sắp xếp	NSTP phân cấp dành cho các dự án, chương trình thành phố giao	
8	Nâng cấp, cải tạo khuôn viên và hạ tầng kỹ thuật xung quanh hồ Tùng Dinh, thị trấn Cát Bà (giai đoạn 1)	9,060	9,060	9,060		QT
9	Xây dựng nhà làm việc công an xã Gia Luận	4,509	4,509		4,509	QT
10	Xây dựng nhà làm việc công an xã Phù Long	7,520	2,250		2,250	Tạm dừng
11	Xây dựng nhà làm việc công an xã Hiền Hào	5,870	5,870		5,870	QT
12	Xây dựng nhà làm việc công an xã Xuân Đám	4,206	4,206		4,206	QT
13	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật tái định cư quỹ đất 10% thuộc Dự án khu đô thị du lịch Cái Giá - Cát Bà, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải	33,408	29,000	29,000		
14	Dự án Xây dựng Công viên cây xanh Khu du lịch vịnh trung tâm Cát Bà	99,311	56,500		56,500	
15	Dự án Xây dựng Nhà văn hóa xã Việt Hải	6,156	6,156	5,156	1,000	Công văn 3920/VP-KHĐT ngày 12/10/2022 (QT)
16	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Cát Hải	1,499	1,499	1,499		QT
17	Cải tạo, nâng cấp đường và vỉa hè khu Trung tâm du lịch thị trấn Cát Bà (đoạn KS Hùng Long đến Cát Cò 3)	13,699	13,699	13,699		QT
18	Nâng cấp, cải tạo khuôn viên và hạ tầng kỹ thuật xung quanh hồ Tùng Dinh, thị trấn Cát Bà (giai đoạn 2)	14,059	14,059	14,059		QT
19	Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải khu dân cư quanh Hồ Tùng Dinh, thị trấn Cát Bà	48,850	33,500	33,500		
20	Mở rộng Nghĩa trang nhân dân đảo Cát Hải (giai đoạn 3) và xây dựng Nghĩa trang Liệt sỹ khu vực đảo Cát Hải	65,557	65,557	6,205	59,352	QT
21	Nâng cấp, cải tạo hệ thống điện chiếu sáng khu trung tâm du lịch Cát Bà	7,300	7,300	7,300		QT
22	Đầu tư trang thiết bị, hạ tầng phục vụ kỳ họp số của Hội đồng nhân dân huyện	810	810		810	QT
III	DANH MỤC ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2024-2025	519,853	326,994	185,058	141,936	

STT	Tên dự án	Tổng nhu cầu vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đặc khu Cát Hải (sau sắp xếp)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NSTP phân cấp dành cho các dự án, nhiệm vụ đặc khu sau sắp xếp	NSTP phân cấp dành cho các dự án, chương trình thành phố giao	
*	Dự án đã được duyệt					
1	Cải tạo, nâng cấp mặt đường và hệ thống kê chống sạt lở đường Núi Xẻ	14,386	14,386	14,386		QT
2	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè tuyến đường trung tâm du lịch Cát Bà (đoạn từ số nhà 161 đến số nhà 225, Phố Cát Bà - từ ngã 3 Cảng Cá đến khách sạn Viễn Đông)	7,857	7,857	7,857		QT
3	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè tuyến đường trung tâm du lịch Cát Bà (đoạn từ số nhà 226, Phố Cát Bà-khách sạn Cát Bà Dream đến chân dốc Cát Cò 1)	8,242	8,242	8,242		QT
4	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè tuyến đường vòng quanh Núi Ngọc (đoạn từ số nhà 01, Phố Núi Ngọc - khách sạn Cát Bà Waterside đến chân dốc Núi Xẻ và đường ngang Núi Ngọc)	13,408	13,408	13,408		QT
5	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè tuyến đường vòng quanh Núi Ngọc (đoạn từ số nhà 224, Phố Núi Ngọc- khách sạn Viễn Đông đến chân dốc Núi Xẻ)	12,665	12,665	12,665		QT
6	Đầu tư xây dựng bể bơi và các công trình phục vụ học tập thể chất Trường TH&THCS Phù Long	10,522	10,522	10,522		QT
7	Đầu tư xây dựng bể bơi học sinh trường TH&THCS Hà Sen	4,203	4,203	4,203		QT
8	Đầu tư trang thiết bị và hạ tầng kỹ thuật Trung tâm Văn hóa Thông tin Thể thao huyện	6,966	6,950	6,950		
9	Cải tạo nâng cấp Trụ sở Đảng ủy, HĐND và UBND xã Việt Hải	4,220	4,220	4,220		QT
10	Đầu tư xây dựng, cải tạo, mở rộng bến phà Đồng Bãi, bến phà Cái Viêng và các công trình phụ trợ	112,350	98,504	2,450	96,054	
11	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường xuyên đảo Cát Bà đoạn từ ngã 3 Áng Sỏi đến hang Quân Y, xã Trân Châu	14,418	14,418		14,418	QT

STT	Tên dự án	Tổng nhu cầu vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đặc khu Cát Hải (sau sắp xếp)			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				NSTP phân cấp dành cho các dự án, nhiệm vụ đặc khu sau sắp xếp	NSTP phân cấp dành cho các dự án, chương trình thành phố giao	
12	Hạ ngầm đường điện trung thế 35kV từ cột 224 đến cột 227 lộ 375E2.43 tại Tổ dân phố Hùng Sơn, thị trấn Cát Bà	7,081	6,700	6,700		
13	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư đảo Cát Hải (giai đoạn 1) - lần 3	443	443	443		QT
14	Dự án Cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng các trạm xử lý nước thải thị trấn Cát Bà	8,851	8,500	8,500		
15	Xây dựng Trường Tiểu học và THCS Nghĩa Lộ (cơ sở 2)	91,324	33,000	21,500	11,500	
16	Xây dựng Trường Mầm non Sao Mai (cơ sở 2)	57,260	33,100	20,000	13,100	
17	Đầu tư khắc phục các công trình vi phạm các nội dung không đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy của huyện Cát Hải	14,990	1,200		1,200	
18	Xây dựng kè bê tông tại lô 2 Núi Ngọc, thị trấn Cát Bà	8,047	5,500	5,500		
19	Đầu tư các hạng mục hỗ trợ cho hoạt động của Phố đêm Cát Bà	4,425	1,500	1,500		
20	Nạo vét hồ Tùng Dinh thị trấn Cát Bà	14,797	12,322	12,322		
21	Cải tạo, sửa chữa nhà công vụ đa năng huyện Cát Hải	140	140	140		QT
22	Xây dựng Nhà Văn hóa Tổ dân phố 1, thị trấn Cát Bà	0	0	0		Tạm dừng
23	Đầu tư hệ thống đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông huyện Cát Hải	7,371	400	400		
24	Đầu tư xây dựng mới Trường THPT Cát Hải (Cơ cấu vốn đặc khu phân bổ 30.731 triệu đồng)	30,731	5,664		5,664	

**PHỤ BIỂU II.3: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU
TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025**

STT	Tên dự án	Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:	
				NSTP phân cấp dành cho các dự án xây dựng NTM kiểu mẫu	
	TỔNG CỘNG:	187,670	187,670	187,670	
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Phù Long	26,872.266	26,872.266	26,872.266	QT
2	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Gia Luận	65,155.389	65,155.389	65,155.389	QT
3	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Hiền Hào	16,333.019	16,333.019	16,333.019	QT
4	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Trân Châu	56,308.337	56,308.337	56,308.337	QT
5	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Việt Hải	23,001.186	23,001.186	23,001.186	QT

PHỤ LỤC III: CHI TIẾT DỰ ÁN TĂNG, GIẢM NHU CẦU VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐIỀU CHỈNH KỲ NÀY

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên dự án	Theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 04/8/2025 của HĐND đặc khu	Chi tiết điều chỉnh		Điều chỉnh kỳ này	Chênh lệch
			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
A	CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH NHU CẦU VỐN	21,301	-6,775	65,156	79,682	58,381
I	Dự án giảm nhu cầu vốn	21,301	-6,775	0	14,526	-6,775
	<i>Dự án có quyết toán được duyệt</i>					
1	Cải tạo, nâng cấp mặt đường và hệ thống kê chống sạt lở đường Núi Xẻ	14,990	-604		14,386	-604
2	Cải tạo, sửa chữa nhà công vụ đa năng huyện Cát Hải	302	-162		140	-162
	<i>Dự án đang triển khai thực hiện</i>					0
3	Xây dựng Nhà Văn hóa Tộc dân phố 1, thị trấn Cát Bà	6,009	-6,009		0	-6,009
II	Dự án tăng nhu cầu vốn	0	0	65,156	65,156	65,156
	<i>Dự án bổ sung mới kỳ này</i>					
1	Nâng cấp, cải tạo mặt đường, hệ thống cống thoát nước mặt từ đường Hà Sen đến đường Tùng Dinh và đường 1/4 trung tâm du lịch đặc khu Cát Hải			14,929	14,929	14,929
2	Nâng cấp hệ thống thoát nước và đường khu tái định cư thôn Hải Sơn, đặc khu Cát Hải			16,879	16,879	16,879
3	Sửa chữa, cải tạo khuôn viên, các công trình phụ trợ, nhà làm việc trụ sở HĐND UBND đặc khu Cát Hải			7,622	7,622	7,622
4	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp các tuyến đường, rãnh thoát nước các đường ngõ, xóm tại các thôn thuộc địa bàn đảo Cát Hải			4,894	4,894	4,894
5	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp các tuyến đường, rãnh thoát nước các đường ngõ, xóm tại các thôn thuộc địa bàn đảo Cát Bà			10,129	10,129	10,129
6	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông khu TĐC Nghĩa Lộ (dự án 8,2ha)			10,703	10,703	10,703
B	CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN	448,848	-95,154	39,650	393,344	-55,504
I	Dự án giảm kế hoạch vốn	408,848	-95,154	0	313,694	-95,154

STT	Tên dự án	Theo Nghị quyết số 18/NQ- HĐND ngày 04/8/2025 của HĐND đặc khu	Chi tiết điều chỉnh		Điều chỉnh kỳ này	Chênh lệch
			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
	Dự án có quyết toán được duyệt					
1	Cải tạo, nâng cấp mặt đường và hệ thống kè chống sạt lở đường Núi Xẻ	14,712	-326		14,386	-326
2	Cải tạo, sửa chữa nhà công vụ đa năng huyện Cát Hải	302	-162		140	-162
	Dự án đang triển khai thực hiện					0
3	Dự án đầu tư xây dựng hồ chứa nước ngọt, hệ thống thủy lợi, cấp nước sinh hoạt tại xã Phù Long, huyện Cát Hải	35,592	-10,592		25,000	-10,592
4	Xây dựng khu tái định cư tại TDP Hùng Sơn, thị trấn Cát Bà	96,549	-16,549		80,000	-16,549
5	Xây dựng công trình phòng thủ huyện Cát Hải	53,188	-1,884		51,304	-1,884
6	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật tái định cư quỹ đất 10% thuộc Dự án khu đô thị du lịch Cái Giá - Cát Bà, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải	32,000	-3,000		29,000	-3,000
7	Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải khu dân cư quanh Hồ Tùng Dinh, thị trấn Cát Bà	43,000	-9,500		33,500	-9,500
8	Xây dựng Trường Tiểu học và THCS Nghĩa Lộ (cơ sở 2)	54,237	-21,237		33,000	-21,237
9	Xây dựng Trường Mầm non Sao Mai (cơ sở 2)	40,000	-6,900		33,100	-6,900
10	Đầu tư khắc phục các công trình vi phạm các nội dung không đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy của huyện Cát Hải	6,900	-5,700		1,200	-5,700
11	Xây dựng kè bê tông tại lô 2 Núi Ngọc, thị trấn Cát Bà	7,870	-2,370		5,500	-2,370
12	Đầu tư các hạng mục hỗ trợ cho hoạt động của Phố đêm Cát Bà	4,200	-2,700		1,500	-2,700
13	Xây dựng Nhà Văn hóa Tổ dân phố 1, thị trấn Cát Bà	2,200	-2,200		0	-2,200
14	Đầu tư hệ thống đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông huyện Cát Hải	6,512	-6,112		400	-6,112
15	Đầu tư xây dựng mới Trường THPT Cát Hải (Cơ cấu vốn đặc khu phân bổ 30.731 triệu đồng)	11,586	-5,922		5,664	-5,922
II	Dự án tăng kế hoạch vốn	40,000	0	39,650	79,650	39,650
	Dự án đang triển khai thực hiện					

STT	Tên dự án	Theo Nghị quyết số 18/NQ- HĐND ngày 04/8/2025 của HĐND đặc khu	Chi tiết điều chỉnh		Điều chỉnh kỳ này	Chênh lệch
			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
1	Dự án Xây dựng Công viên cây xanh Khu du lịch vịnh trung tâm Cát Bà	40,000		16,500	56,500	16,500
	<i>Dự án bổ sung mới kỳ này</i>					
2	Nâng cấp, cải tạo mặt đường, hệ thống cống thoát nước mặt từ đường Hà Sen đến đường Tùng Dinh và đường 1/4 trung tâm du lịch đặc khu Cát Hải			5,400	5,400	5,400
3	Nâng cấp hệ thống thoát nước và đường khu tái định cư thôn Hải Sơn, đặc khu Cát Hải			5,600	5,600	5,600
4	Sửa chữa, cải tạo khuôn viên, các công trình phụ trợ, nhà làm việc trụ sở HĐND UBND đặc khu Cát Hải			2,400	2,400	2,400
5	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp các tuyến đường, rãnh thoát nước các đường ngõ, xóm tại các thôn thuộc địa bàn đảo Cát Hải			1,100	1,100	1,100
6	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp các tuyến đường, rãnh thoát nước các đường ngõ, xóm tại các thôn thuộc địa bàn đảo Cát Bà			3,900	3,900	3,900
7	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông khu TĐC Nghĩa Lộ (dự án 8,2ha)			4,750	4,750	4,750